

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1/ Ông Nguyễn Tiến Tịnh
- 2/ Ông Nguyễn Duy Chấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Cán bộ TAND huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Ngân Thị Y**, sinh năm 1996 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

*Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.***

*Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1991 – Có mặt.*

*Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.***

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 23/4/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Ngân Thị Y** trình bày:

Chị **Ngân Thị Y** kết hôn với anh **Nguyễn Văn H** năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân giữa chị và anh **H** trên tinh thần tự nguyện có thời gian tìm hiểu trong thời gian 06 tháng trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh **H** sống hạnh phúc với nhau một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung đối với các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn của anh chị được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh **H** không thay đổi. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Chị không còn tình cảm vợ chồng với anh **H** nữa. Chị và anh **H** có 01 con chung, là cháu **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 19/01/2019. Chị **Y** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị những vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị **Y** xin được ly hôn với anh **H**; Về con chung: chị yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu **H1** cho đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày: Anh thừa nhận quá trình kết hôn, con chung giữa anh và chị **Y** giống chị **Y** trình bày. Về mâu thuẫn gia đình, anh và chị **Y** sống hạnh phúc cho đến tháng 9/2023, chị **Y** bỏ đi và ôm con theo. Chị cũng chặn số điện thoại và chặn mạng xã hội nên anh không thể liên lạc được. Anh không hiểu lý do vì sao chị **Y** lại làm vậy. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của chị **Y**, anh **H** không đồng ý ly hôn; về con chung: anh không đồng ý giao cháu **H1** cho chị **Y** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị **Ngân Thị Y** và anh **Nguyễn Văn H** tại chính quyền địa phương nơi chị anh chị sinh sống thể hiện: Chị **Y** và anh **H** có mâu thuẫn và đã được hoà giải tại xã nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị **Y** có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh **H** giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với chị **Y**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị **Ngân Thị Y** ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 19/01/2019 cho chị **Ngân Thị Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi.

Về án phí: Buộc chị **Ngân Thị Y** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao y chứng thực); 02 căn cước công dân (bản sao y chứng thực); 01 sổ hộ khẩu (Bản sao y chứng thực); 01 giấy khai sinh (Bản sao y chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Ngân Thị Y** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Nguyễn Văn H** nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh **Nguyễn Văn H** có nơi cư trú tại **thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015 được đăng ký tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Do đó, hôn nhân giữa chị **Ngân Thị Y** và anh **Nguyễn Văn H** là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị **Y** trình bày chị và anh **H** thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị không chịu nổi nên đã bế con đi, chị và anh **H** đã ly thân từ tháng 8/2023. Anh **H** trình bày, anh không hiểu lý do vì sao chị **Y** ôm con bỏ nhà đi và chặn liên lạc với anh, trước đó anh đã vài lần bắt gặp chị **Y** lén lút nhắn tin cho người đàn ông khác, anh có khuyên bảo nhưng chị **Y** không thay đổi. Tuy nhiên, anh **H** trình bày nhưng không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh chị **Y** vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với anh.

Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại **thôn B, xã Đ** thể hiện: Chính quyền địa phương biết giữa chị **Y** và anh **H** có mâu thuẫn và cũng được hoà giải ở xã.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Căn cứ vào trình bày của các đương sự, đối chiếu với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương, thấy rằng: Chị **Y** và anh **H** mâu thuẫn là có thật. Chị **Y** và anh **H** đã ly thân hơn 01 năm. Điều đó thể hiện việc mâu thuẫn giữa chị **Y** và anh **H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Y**, giải quyết cho chị **Y** được ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Chị **Y** và anh **H** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 19/01/2019. Chị **Y** yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu **H1**, anh **H** không đồng ý. Xét thấy, từ khi chị **Y** bỏ nhà đi nơi khác sống, chị mang theo cháu **H1** đi cùng. Trong thời gian ly thân, chị **Y** là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu **H1**

đảm bảo về mặt tinh thần và vật chất. Do đó, HĐXX xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu **H1** cho chị **Y** trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị **Y** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **Ngân Thị Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngân Thị Y**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngân Thị Y** ly hôn với anh **Nguyễn Văn H**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Ngọc H1**, sinh ngày 19/01/2019 cho chị **Ngân Thị Y** trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Văn H** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh **H** lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì chị **Y** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **H**.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

2. Về án phí: Chị **Ngân Thị Y** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị **Y** đã nộp theo biên lai số 0005842/BL-THA, ngày 26/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Gằn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu**